**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM HỌC KỲ II**

**BÀI 9: NHẬT BẢN**

**Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế Nhật Bản**

Câu 1. Nhật Bản nằm ở khu vực nào dưới đây?

A. Đông Á.       B.Nam Á.

C. Bắc Á.        D.Tây Á.

Câu 2. Đảo chiếm 61% tổng diện tích đất nước Nhật Bản là:

A. Hô-cai-đô.     B.Hôn-su.

C. Xi-cô-cư.       D.Kiu-xiu.

Câu 3. Đảo nằm ở phía bắc của Nhật Bản là

A. Hôn-su.        B. Hô-cai-đô.

C. Xi-cô-cư.       D. Kiu-xiu.

Câu 4: Với số dân 127,7 triệu người ( năm 2005) và diện tích 378 nghìn km2 thì Nhật Bản là một nước có mật độ dân số|:

A. Thấp

B. Rất cao

C. Vừa phải

D. Cao

Câu 5: Bốn đảo lớn của Nhật Bản xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ về diện tích là  
A. Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư.

B. Hô-cai-đô, Hônsu, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.  
C. Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư.  
D. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

Câu 6. Khó khăn lớn nhất về tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là:

A. Bờ biển dài, nhiều vũng vịnh.

B. Khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam.

C. Nghèo khoáng sản.

D. Nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau.

Câu 7: Nhận xét không đúng về một số đặc điểm tự nhiên của Nhật Bản là  
A. Nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, ít mưa.  
B. Vùng biển Nhật Bản có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.  
C. Phía bắc có khí hậu ôn đới, phía nam có khí hậu cận nhiệt.  
D. Có nhiều thiên tai như: động đất, núi lửa, sóng thần, bão.

Câu8: Nhận xét không đúng về đặc điểm dân số của Nhật Bản là:  
A. Tỉ lệ trẻ em đang giảm dần.

B. Đông dân và tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển.  
C. Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn.  
D. Tốc độ gia tăng dân số thấp nhưng đang tăng dần.  
Câu 9: Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực nào dến đất nước Nhật Bản?

A. Thiếu hụt lực lượng lao động.

B. Tạo nên sức ép không đáng kể đến kinh tế - xã hội - môi trường.

C. Ảnh hưởng không tốt đến đường lối chính sách cảu Nhà nước.

D. Cơ cấu kinh tế bị thay đổi theo chiều hướng bất lợi cho nền kinh tế.

Câu 10. Biển Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú là do

A. Có nhiều bão, sóng thần.(có thể thay thế)

B. Có diện tích rộng nhất.

C. Nằm ở vùng vĩ độ cao nên có nhiệt độ cao.

D. Có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.

Câu 11. Đặc điểm đúng của dân cư Nhật Bản là

A. Quy mô không lớn.

B. Tập trung chủ yếu ở miền núi.

C. Tốc độ gia tăng dân số cao.

D. Dân số già.

Câu 12. Ý nào sau đây không đúng về dân cư Nhật Bản?

A. Là nước đông dân.

B. Phần lớn dân cư tập trung ở các thành phố ven biển.

C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao.

D. Dân số già.

Câu 13: Nhật Bản phải chịu tác động thường xuyên của hoạt động động đất vì:

A. Lãnh thổ Nhật Bản nằm trên vành đai dộng đất - núi lửa Thái Bình Dương.

B. Nhật Bản là quốc gia hải đảo nên nền địa chất không ổn định.

C. Vận động Tân kiến tạo luôn diễn ra mạnh nhất ở vùng biển ven đất liền.

D. Nhật Bản thường có mưa bão mạnh dẫn đến hiện tượng sóng thần từ đó gây nên động đất.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu làm cho nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao từ năm 1950 đến năm 1973 là

A. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp, hạn chế vốn đầu tư.

B. Tập trung cao độ và phát triển các ngành then chốt, có trọng điểm theo từng giai đoạn và duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.

C. Tập trung phát triển các xí nghiệp lớn, giảm và bỏ hẳn những tổ chức sản xuất nhỏ, thủ công.

D. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng, phát triển nhanh các ngành cần đến khoáng sản.

Câu 15. Những năm 1973 – 1974 và 1979 – 1980, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm nhanh, nguyên nhân chủ yếu do

A. Có nhiều thiên tai.

B. Khủng hoảng dầu mỏ thế giới.

C. Khủng hoảng tài chính thế giới.

D. Cạn kiệt về tài nguyên khóang sản.

Câu 16: Năng xuất lao động xã hội ở Nhật Bản cao là do người lao động Nhật Bản  
A. Luôn độc lập suy nghĩ và sáng tạo trong lao động.  
B. Làm việc tích cực vì sự hùng mạnh của đất nước.  
C. Thường xuyên làm việc tăng ca và tăng cường độ lao động.  
D. Làm việc tích cực, tự giác, tinh thần trách nhiệm cao.

Câu 17. Cho bảng số liệu:

Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản qua các năm

(Đơn vị: %)

Bài tập trắc nghiệm Địa Lí 11 | Câu hỏi trắc nghiệm Địa Lí 11

Nhận xét đúng về tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản

A. giảm liên tục.

B. cao hàng đầu thế giới.

C. giảm không liên tục.

D. thấp và không biến động.

Câu 18: Kiểu khí hậu đặc trưng của miền Bắc Nhật Bản là:

A. Ôn đới gió mùa, mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết.

B. Nhiệt đới gió mùa, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng, thường có mưa to và bão.

C. Cận nhiệt gió mùa, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng, thường có mưa to và bão.

D. Ôn đới hải dương, mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết.

Câu 19: Kiểu khí hậu đặc trưng của miền Nam Nhật Bản là:

A. Cận nhiệt gió mùa, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng, thường có mưa to và bão.

B. Ôn đới gió mùa, mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết.

C. Nhiệt đới gió mùa, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng, thường có mưa to và bão.

D. Ôn đới hải dương, mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết.

Câu 20: Nhật Bản có nhiều ngư trường lớn vì:

A. Nhật Bản nằm trong vùng biển ôn đới, khí hậu ấm áp nên sinh vật biển phát triển mạnh.

B. Nhật Bản có lãnh hải rộng lớn và đường bờ biển dài.

C. Nhật Bản nằm ở vùng biển có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau.

D. Các đảo và quần đảo của Nhật Bản là nơi sinh sống thuận lợi của sinh vật biển.

**BÀI 9: NHẬT BẢN**

**Tiết 2: Các ngành kinh tế và vùng kinh tế Nhật Bản**

Câu 1. Các ngành chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu công nghiệp của Nhật Bản hiện nay là:

A. Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim đen, dệt.

B. Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, xây dựng và công trình công cộng, dệt.

C. Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, luyện kim màu, dệt.

D. Công nghiệp chế tạo, sản xuất điện tử, hóa chất, dệt.

Câu 2. (Trừ ngành dệt truyền thống), tất cả các ngành công nghiệp nổi tiếng của Nhật Bản đều hướng vào:

A. Tận dụng tối đa sức lao động.

B. Tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước.

C. Kĩ thuật cao.

D. Tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng phục vụ nhu cầu trong nước.

Câu 3: Chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản đó là ngành  
A. công nghiệp chế tạo.  
B. công nghiệp sản xuất điện tử,  
C. công nghiệp công nghiệp xây dựng và công trình công cộng.  
D. công nghiệp dệt, vải các loại, sợi.

Câu 4. Đảo nào sau đây của Nhật Bản có ít nhất các trung tâm công nghiệp?

A. Hôn-su.       B.Hô-cai-đô.

C. Xi-cô-cư.       D.Kiu-xiu.

Câu 5. Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Nhật Bản tập trung nhiều nhất ở đảo nào sau đây?

A. Hôn-su.       B.Hô-cai-đô.

C. Xi-cô-cư.       D.Kiu-xiu.

Câu 6. Ý nào sau đây không đúng với ngành dịch vụ vủa Nhật Bản?

A. Chiếm tỉ trọng GDP lớn.

B. Thương mại và tài chính có vai trò hết sức to lớn.

C. Nhật Bản đứng hàng đầu thế giới về thương mại.

D. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài ít được coi trọng.

Câu 7. Ngành vận tải biển của Nhật Bản phát triển mạnh là do

A. Vị trí địa lí và đặc điểm lãnh thổ.

B. Công nghiệp cơ khí phát triển từ lâu đời.

C. Số dân đông, nhu cầu giao lưu lớn.

D. Ngành đánh bắt hải sản phát triển.

Câu 8. Nông nghiệp chỉ giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế NHẬT BẢN là do

A. Nhật Bản ưu tiên phát triển thương mại, tài chính.

B. Nhật Bản tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp.

C. Diện tích đất nông nghiệp quá ít.

D. Nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp có lợi thế hơn sản xuất.

Câu 9. Sản xuất nông nghiệp ở Nhật Bản hoàn toàn phát triển theo hướng thâm canh vì

A. Đất nông nghiệp quá ít, không có khả năng mở rộng.

B. Sản xuất thâm canh có chi phí cao.

C. Sản xuất thâm canh mang lại nhiều lợi nhuận mà chi phí lại thấp.

D. Nhật Bản thiếu lao động, sản xuất thâm canh sẽ sử dụng ít lao động hơn quảng canh.

Câu 10. Cây trồng chính của Nhật Bản là

A.Lúa mì.       B.Chè.

C. Lúa gạo.       D.Thuốc lá.

Câu 11: Nhật bản đứng đầu thế giới về sản phẩm công nghiệp:  
A. Vi mạch và chất bán dẫn.

B. Tin học.   
C. Vật liệu truyền thông.  
D. Rô bốt (người máy).

Câu 12. Ý nào sau đây không đúng với sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản?

A. Là cây trồng chính của nông nghiệp Nhật Bản.

B. Chiếm 50% diện tích đất canh tác.

C. Một số diện tích trồng lúa chuyển sang trồng các cây khác.

D. Sản lượng lúa gạo đứng hàng đầu thế giới.

Câu 13: Các hãng nổi tiếng trong ngành sản xuất điện tử của Nhật Bản là:  
A. Hitachi, Toshiba, Sony, Nipon, Electric, Fujitsu.

B. Mitsubisi, Hitachi, Toyota, Nissan, Honda, Suzuki.  
C. Hitachi, Toshiba, Sony, Mitsubisi, Hitachi, Toyota.  
D. Nissan, Honda, Suzuki, Nipon, Electric, Fujitsu.

Câu 14. Ý nào sau đây không đúng về đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su?

A. Diện tích rộng nhất, số dân đông nhất.

B. Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế.

C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

D. Các trung tâm công nghiệp rất lớn tập trung ở phần phía nam.

Câu 15. Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Kiu-xiu là

A. Phát triển mạnh khai thác than và luyện thép.

B. Phát triển mạnh khai thác quặng đồng và luyện kim màu.

C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.

D. Có thành phố lớn là Ô-xa-ca và Cô-bê.

Câu 16. Vùng có rừng bao phủ phần lớn diện tích và dân cư thưa thớt là

A. Hôn-su.       B. Kiu-xiu.

C. Xi-cô-cư.       D.Hô-cai-đô.

Câu 17: Nhận xét không đúng về nền nông nghiệp của Nhật Bản là:  
A. Tỉ trọng trong GDP chỉ chiếm khoảng 2%.

B. Đóng vai trò thứ yếu trong nền kinh tế.  
C. Diện tích đất nông nghiệp ít, chỉ chiếm dưới 14% diện tích tự nhiên.  
D. Phát triển theo hướng thâm canh.

Câu 18. Các trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc vùng kinh tế Hôn-su?

A. Ô-xa-ca, Cô-bê, Xa-pô-rô.

B. Ô-xa-ca, Cô-bê, Mu-rô-ran.

C. Ô-xa-ca, Cô-bê, Ki-ô-tô.

D. Ô-xa-ca, Cô-bê, Na-ga-xa-ki.

Câu 19: Nhận xét không đúng về nông nghiệp của Nhật Bản là  
A. Những năm gần đây một số diện tích trồng cây khác được chuyển sang trồng lúa.  
B. Chè, thuốc lá, dầu tằm là những cây trồng phổ biến.  
C. Chăn nuôi tương đối phát triển, các vật nuôi chính là bò, lợn, gà.  
D. Chăn nuôi theo phương pháp tiên tiến bằng hình thức trang trại.

Câu 20: Các hải cảng lớn của Nhật Bản là Cô-bê, I-ô-cô-ha-ma, Tô-ki-ô,  
Ô-xa-ca đều nằm ở đảo:  
A. Hôn-su.

B. Hô-cai-đô.  
C. Xi-cô-cư.  
D. Kiu-xiu.

**BÀI 9: NHẬT BẢN**

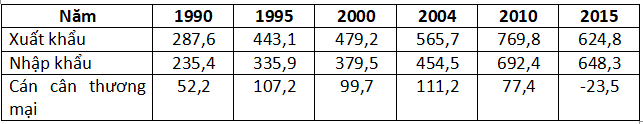
**Tiết 3: Thực hành: Tìm hiểu về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản**

Bài tập 1. Vẽ biểu đồ

Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm

(Đơn vị: tỉ USD)



Dựa vào bảng số liệu, trả lời các câu hỏi từ 1 đến 3:

Câu 1. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là

A. Biểu đồ tròn.

B. Biểu đồ miền.

C. Biểu đồ cột.

D. Biểu đồ kết hợp (cột, đường).

Câu 2. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2015 là

A. Biểu đồ tròn.

B. Biểu đồ miền.

C. Biểu đồ đường.

D. Biểu đồ kết hợp (cột, đường).

Câu 3. Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Giai đoạn 1990 – 2010, giá trị nhập khẩu của Nhật Bản luôn thấp hơn giá trị xuất khẩu.

B. Giai đoạn 1990 – 2010, giá trị nhập khẩu của Nhật Bản tương đương giá trị xuất khẩu.

C. Giai đoạn 1990 – 2010, giá trị nhập khẩu của Nhật Bản luôn cao hơn giá trị xuất khẩu.

D. Giai đoạn 1990 – 2010, giá trị nhập khẩu của Nhật Bản ngày càng giảm.

Bài tập 2. Nhận xét hoạt động kinh tế đối ngoại

Câu 1. Nhật Bản đã rút ngắn được khoảng cách và vươn lên dẫn đầu thế giới trong nhiều ngành kinh tế chủ yếu là do

A. Người lao động Nhật Bản đông đảo, cần cù, chịu khó.

B. Không nhập công nghệ mới từ bên ngoài.

C. Phát huy được tính tự lập, tự cường.

D. Tích cực nhập khẩu công nghệ, kĩ thuật của nước ngoài, tận dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật và vốn đầu tư của các nước.

Câu 2. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản là

A. Sản phẩm nông nghiệp.

B. Năng lượng và nguyên liệu.

C. Sản phẩm thô chưa qua chế biến.

D. Sản phẩm công nghiệp chế biến.

Câu 3. Trong hoạt động kinh tế đối ngoại, Nhật Bản là nước đứng đầu thế giới về

A. Tổng giá trị xuất, nhập khẩu và giá trị xuất siêu.

B. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA).

C. Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (FII) và viện trợ phát triển chính thức (ODA).

D. Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI) và đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (FII).

**BÀI 10: CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)**

**Tiết 1: Tự nhiên dân cư và xã hội**

Câu 1: Về tổ chức hành chính, Trung Quốc được chia thành  
A. 22 tỉnh, 6 khu tự trị và 3 thành phố trực thuộc trung ương.  
B. 22 tỉnh, 6 khu tự trị và 3 thành phố trực thuộc trung ương.  
C. 21 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương.  
D. 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương.  
Câu 2: Trung Quốc có hai đặc khu hành chính nằm ven biển là:  
A. Hồng Công và Ma Cao.  
B. Hồng Công và Thượng Hải.  
C. Hồng Công và Quảng Châu.  
D. Ma Cao và Thượng Hải.  
Câu 3: Phần lãnh thổ miền Đông Trung Quốc trải dài từ vùng duyên hải vào đất liền, đến kinh tuyến:  
A. 1070 Đông.

B. 1000 Đông.         
C. 1050 Đông.

D. 1110 Đông.     
Câu 4: Các đồng bằng miền Đông Trung Quốc theo thứ tự bắc xuống nam là  
A. Đông Bắc, Hoa Nam , Hoa Bắc, Hoa Trung.

B. Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.  
C. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam , Hoa Trung.  
D. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

Câu 6: Nhận xét không chính xác về sự đối lập của tự nhiên giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc là  
A. Miền Đông chủ yếu là đồng bằng còn miền Tây chủ yếu là núi và cao nguyên .

B. Miền Đông giàu khoáng sản còn miền Tây thì nghèo.  
C. Miền Tây khí hậu lục địa, ít mưa còn miền Đông khí hậu gió mùa, mưa nhiều.  
D. Miền Tây là thượng nguồn của các sông lớn chảy về phía đông.  
Câu 7: Với sự thay đổi của các kiểu khí hậu từ Đông Nam lên Đông Bắc giúp miền Đông có thuận lợi trong việc:

A. Đa dạng hóa các loại hình sản xuất nông nghiệp.

B. Tăng năng xuất cây trồng, vật nuôi.

C. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp.

D. Phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp quy mô lớn.

Câu 8: Đồng bằng thường chịu nhiều thiên tai lụt lội nhất ở miền Đông Trung Quốc là  
A. Hoa Nam.

B. Hoa Bắc.

C. Hoa Trung.

D. Đông Bắc.

Câu 9: Tác động tích cực của chính sách dân số của Trung Quốc là:

A. Không còn tình trạng thất nghiệp.

B. Giảm thiểu các tệ nạ xã hội.

C. Giảm đáng kể về gánh nặng dân số.

D. Nền kinh tế bớt trì truệ.

Câu 10: Tác động tiêu cực của chính sách một con của Trung Quốc là:

A. Làm suy giảm nguồn lao động.

B. Sự không dồng tình của phần lớn dân chúng.

C. Nảy sinh nhiều tệ nạn xã hội.

D. Làm mất cân bằng về cơ cấu giới tính.

Câu 11: Nhận xét không đúng về đặc điểm vị trí và lãnh thổ Trung Quốc là:  
A. Có diện tích lãnh thổ rộng lớn và đứng thứ ba thế giới.  
B. Lãnh thổ trải rộng từ bắc xuống nam, từ đông sang tây.  
C. Có đường biên giới giáp 14 nước chủ yếu qua núi cao và hoang mạc.  
D. Phía đông giáp biển với đường bờ biển dài khoảng 9000 km.  
Câu 12: Nhận xét không đúng về đặc điểm miền Đông Trung Quốc là:  
A. Nghèo khoáng sản, chỉ có than đá là đáng kể.

B. Có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa mầu mỡ.  
C. Dân cư tập trung đông đúc, nông nghiệp trù phú.  
D. Từ bắc xuống nam khí hậu chuyển từ ôn đới gió mùa sang cận nhiệt đới gió mùa.  
Câu 13: Về tự nhiên, miền Tây Trung Quốc không có đặc điểm:  
A. Gồm các dãy núi và cao nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.

B. Gồm các dãy núi và cao nguyên đồ sộ xen lẫn các đồng bằng màu mỡ. C. Khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt, ít mưa.  
D. Có nhiều hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn.  
Câu 14: Trung Quốc giáp với 14 quốc gia nhưng việc giao lưu kinh tế - văn hóa – xã hội với các nước đó lại không thuận lợi vì:

A. Biên giới với các nước chủ yếu là núi cao và hoang mạc.

B. Khác nhau về đường lối chính trị.

C. Đó là những nước có nền kinh tế kém phát triển.

D. Vùng biên giới dân cư rất thưa thớt.

Câu 15: Trở ngại lớn nhất để phát triển sản xuất nông nghiệp ở miền Tây Trung Quốc là:

A. Địa hình phức tạp, nhiều núi cao

B. Mùa đông khắc nghiệt

C. Khí hậu khô hạn

D. Thiếu lao động

Câu 16: Dạng địa hình chủ yếu ở miền tây Trung Quốc là:

A. Núi cao và sơn nguyên đồ sộ xen lẫn bồn địa

B. Sơn nguyên bằng phẳng xen lẫn bồn địa

C. Núi cao và vực sâu

D. Sơn nguyên đồ sộ xen lẫn đồng bằng

Câu 17: Miền tây Trung Quốc có kiểu khí hậu

A. ôn đới hải dương B. cận xích đạo

C. cận nhiệt đới D. ôn đới lục địa

Câu 18: Lãnh thổ rộng lớn ảnh hưởng đến tự nhiên Trung Quốc

A. thuận lợi cho phát triển kinh tế

B. tạo nên sự đa dạng của tự nhiên

C. khó khăn trong phát triển kinh tế

D. khó khăn trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Câu 19: Từ năm 1949 đến năm 2005 dân số Trung Quốc:

A. Liên tục tăng

B. Liên tục tăng nhanh

C. Tăng liên tục nhưng chậm

D. Lúc tăng lúc giảm

Câu 20: Những phát minh nào không phải của Trung Quốc

A. Máy dệt, máy in

B. Lụa tơ tằm, chữ viết

C. Chữ viết, la bàn, thuốc súng

D. Giấy, kĩ thuật in, sứ

**Bài 10: CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)**

**Tiết 2: Kinh tế**

Câu 1: Đây không phải là thành tựu mà Trung Quốc đạt được sau khi tiến hành công cuộc hiện đại hóa:

A. Tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 2 sau Hoa Kì, trung bình năm đạt trên 8%.

B. Năm 2004, tổng GDP đứng thứ 7 thế giới.

C. Đời sống nhân dân được cải thiện.

D. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 5 lần trong hưn 20 năm qua.

Câu 2: Từ năm 1994, những ngành công nghiệp được Trung Quốc ưu tiên phát triển trong chính sách công nghiệp mới là:

A. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

B. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất máy bay và dệt.

A. Chế tên lửu, vũ trụ, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

A. Luyện kim đen, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

Câu 3: Trung Quốc trồng nhiều lúa gạo ở vùng:

A. Tây Bắc    
B. Hoa Bắc   
C. Hoa Nam   
D. Đông Bắc.  
Câu 4: Năm 2004 các sản phẩm nông nghiệp Trung Quốc đứng đầu trên thế giới có :

A. Lương thực, thịt bò.

B. Thịt lợn, lương thực

C. Thịt lợn, mía dường.

D. Cà phê, lương thực

Câu 5: Với điều kiện đất đai, khí hậu, vùng Đông Bắc Trung Quốc trồng nhiều loại cây nào nhất sau đây:

A. Lúa mì và ngô

B. Lúa gạo và cao su

C. Chè và mía

D. Thuốc lá và cà phê

Câu 6: Các trung tâm công nghiệp Trung Quốc tập trung ở:

A. Miền Nam

B. Miền Tây

C. Miền Bắc

D. Miền Đông

Câu 7: Vùng nông thôn Trung Quốc phát triển các ngành công nghiệp:

A. Vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng

B. Than, thép, hóa chất

C. Chế tạo máy, phân đạm

D. Sản xuất đồ gốm, ô tô

Câu 8: Từ năm 1978, để chấm dứt tình trạng trì truệ của đất nước, Trung Quốc đã đặc biệt quan tâm thực hiện biện pháp:

A. Cải cách văn hóa.

B. Cải cách chính trị.

C. Cải cách kinh tế.

D. Cải cách quân sự.

Câu 9: Nhận định nào dưới đây không chính xác về những biện pháp phát triển công nghiệp của Trung Quốc:

A. Hạn chế các công ty nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc.

B. Các xí nghiệp, nhà máy chủ động hơn trong việc lập kế hoạch sản xuất và tìm thị trường thiêu thụ.

C. Cho phép các công ty nước ngoài tham gia đầu tư quản lý sản xuất.

D. Thực hiện chính sách mở cửa, tăng cường trao đổi hàng hóa với thị trường thế giới.

Câu 10: Câu nào dưới đây không chính xác về phân bố sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc:

A. Miền Tây có nông sản đa dạng hơn miền Đông.

B. Miền Tây thích hợp cho việc phát triển chăn nuôi cừu.

C. Lúa mì được trồng chủ yếu ở miền Đông.

D. Nông sản ôn đới chiếm ưu thế trong sản xuất nông nghiệp Trung Quốc.

Câu 11: Biện pháp nào sau đây là quan trọng hàng đầu để Trung Quốc phát triển nông nghiệp, tăng sản lượng lương thực?

A. Thay đổi cơ cấu cây trồng

B. Mở rộng thị trường xuất khẩu

C. Mở rộng sản xuất vùng miền Tây

D. Giao quyền sử dụng đất cho nông dân

Câu 12: Sự phát triển ngành công nghiệp kỹ thuật cao ở Trung Quốc được đánh dấu sự kiện quan trọng nào vào tháng 10 năm 2003 ?

A. Đứng đầu thế giới về chế tạo điện tử

B. Chế tạo thành công người máy

C. Tàu Thần Châu V đưa con người vào vũ trụ trở về an toàn

D. Hoàn thành thủy điện Tam Hiệp lớn nhất Trung Quốc

Câu 13: Miền Tây Trung Quốc việc sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn vì :

A. Núi và cao nguyên chiếm phần lớn diện tích

B. Khí hậu khắc nghiệt

C. Bão, lụt thường xuyên xảy ra

D. Hay có động đất

Câu 14: Trung Quốc và Việt Nam có điều kiện phát triển nông nghiệp giống nhau là do:  
A. Nằm trong vùng châu Á gió mùa, mưa nhiều .   
B. Có diện tích rộng lớn .   
C. Đại bộ phận lãnh thổ có khí hậu ôn đới.   
D. Đại bộ phận lãnh thổ có khí hậu nhiệt đới gió mùa .

Câu 15: Điều kiện thuận lợi giúp Trung Quốc phát triển mạnh công nghiệp khai thác, luyện kim là:

A. Nguyên liệu, năng lượng dồi dào.

B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

C. Kinh tế phát triển nhanh.

D. Nguồn nhân lực đông, rẻ.

**BÀI 11. KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**TIẾT 1. TỰ NHIÊN DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**

Câu 1: Ý nào sau đây không chính xác về Đông Nam Á:

A. Tất cả các nước đều giáp biển.

B. Là khu vực phát triển kinh tế năng động hàng đầu thế giới hiện nay.

C. Có vị trí cầu nối giữa lục địa ô-xtrây-li-a và ục địa Á – Âu.

D. Gồm một hệ thống các bán đảo và quần đảo.

Câu 2: Hai quốc gia có nền văn hóa ảnh hưởng sâu sắc nhất đến nền văn minh Đông Nam Á là:

A. Ấn Độ/ Trung Quốc.

B. Nhật Bản/ Anh.

C. Hoa Kì/ Pháp.

D. Hà Lan/ Ấn Độ.

Câu 3: Quốc gia có phần lãnh thổ mùa đông có thời kì lạnh ở Đông Nam Á là:

A. Lào và Cam-pu-chia.

B. Phi-lip-pin và Thái Lan.

C. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.

D. Việt Nam và Mianma.

Câu 4: Ý nào sau đây không chính xác về dân cư của Đông Nam Á:

A. Dân số đông, mật độ dân số cao.

B. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên rất cao.

C. Số người trong độ tuổi lao động không dưới 50%.

D. Thiếu lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn cao.

Câu 5: Quốc gia có tỉ lệ cao nhất về lao dộng lành nghề và trình độ chuyên môn cao ở Đông Nam Á là:

A. Xin-ga-po.

B. Thái Lan.

C. Bru-nây.

D. Ma-lai-xi-a.

Câu 6: Trong 11 quôca gia Đông Nam Á, có một quốc gia có lãnh thổ vừa nằm ở Đông Nam Á lục địa, vừa nằm ở Đông Nam Á biển đảo, đó là:

A. In-đô-nê-xi-a.

B. Xin-ga-po.

C. Ma-lai-xi-a.

D. Bru-nây.

Câu 7: Là quốc gia duy nhất không giáp biển của khu vực Đông Nam Á:

A. Lào.

B. Mi-an-ma.

C. Bru-nây.

D. Cam-pu-chia.

Câu 8: Những đặc điểm sau đây không thuộc Đông Nam Á lục địa:

A. Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.

B. Hầu hết lãnh thổ thuộc khí hậu xích đạo.

C. Đồng bằng phù sa màu mỡ thuận lợi trồng lúa nước.

D. Một phần lãnh thổ có thời kì lạnh vào mua đông.

Câu 9: Nhận định nào sau đây không chính xác về Đông Nam Á:

A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới điển hình.

B. Ngành thương mại và hàng hải có điều kiện để phát triển ở tất cả các nước.

C. Rừng mưa nhiệt đới và rừng xích đạo ẩm ướt xanh quanh năm.

D. Nằm trong vành đai sinh khoáng nên giàu khoáng sản.

Câu 10: Nhận định không chính xác về Đông Nam Á biển đảo:

A. Ven biển có các đồng bằng phù sa màu mỡ.

B. Là khu vực tập trung đảo lớn nhất thế giới.

C. Nhiều đồi núi và núi lửa.

D. Có khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

Câu 11: Cơ sở thuận lợi để cho các quốc gia Đông Nam Á có thể hợp tác cùng phát triển là:

A. Phong tục, tập quán và sinh hoạt văn hóa của người dân các nước rất gần nhau.

B. Đông Nam Á là nơi giao thoa của các nền văn hóa lớn.

C. Đông Nam Á là nơi tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa và tôn giáo.

D. Dân cư tập trung ở châu thổ các con sông lớn, vùng ven biển và vùng đất đỏ bazan.

Câu 12: Đây là điều không chính xác khi nói đến vị trí của khu vực Đông Nam Á.

A. Gồm một hệ thống các bán đảo và quần đảo.

B. Là cầu nối giữa lục địa Á – Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a.

C. Nằm ở phía Đông Nam châu Á.

D. Nơi tiếp giáp giữa Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 13: Điều nào sau đây về dân cư Đông Nam Á gây khó khăn trở ngại lớn nhất trong việc quản lí, ổn định chính trị xã hội của mỗi nước:

A. Các quốc gia đều đa dân tộc, một số dân tộc phân bố vượt ra biên giới của các quốc gia.

B. Lao động có tay nghề và trình độ chuên môn còn hạn chế.

C. Dân đông, gây khó khăn cho vấn đề việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống.

D. Dân cư tập trung đông đúc ở những nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Câu 14: Ưu thế về dân cư trong việc phát triển kinh tế - xã hội của Đông Nam Á là:

A. Mật độ dân số cao..

B. Lao động phổ thông chiếm đa số

C. Dân số trẻ, mật dộ dân số cao

D. Phân bố không đều.

Câu 15: Việc phát triển giao thông Đông Nam Á lục địa theo hướng Đông – Tây gặp nhiều trợ ngại vì:

A. Địa hình là các dãy núi chủ yếu chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam và Bắc – Nam.

B. Địa hình là các dãy núichủ yếu chạy theo hướng Tây Nam – Đông Bắc và Bắc – Nam.

C. Địa hình Địa hình là các dãy núi chủ yếu chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam và Đông – Tây.

D. Địa hình là các dãy núichủ yếu chạy theo hướng Tây Nam – Đông Bắc và Đông – Tây.

**BÀI 11. KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**TIẾT 2. KINH TẾ**

Câu 1: Đông Nam Á là vùng sản xuất lớn nhất thế giới về:

A. Cà phê, cao su, lúa gạo.

B. Cà phê, hồ tiêu, điều

C. Lúa gạo, trái cây, cao su.

D. Hồ tiêu, cao su, bông

Câu 2: Ngành công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử là thế mạnh của những nước nào?

A.Việt Nam, Lào, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a, Bru-nây

B. Xin-ga-po, Mai-lai-xi-a, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam

C. Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Phi-lip-pin, Bru-nây

C. Việt Nam, Cam-pu-chia, Thái Lan, Phi-lip-pin, Bru-nây

Câu 3: Cao su được trồng nhiều ở các nước:

A. Singapho, Brunây, Inđônexia, Ma-lai-xi-a.

B. Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Bru-nây.

C. Indonexia, Myanma, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a.

D. Thái Lan, Inđônexia, Ma-lai-xi-a và Việt Nam.

Câu 4: Cà phê và hồ tiêu được trồng nhiều nhất ở:

A. Việt Nam.

B. Campuchia.

C. Indonexia.

D. Thái Lan.

Câu 5: Các nước Đông Nam Á xuất khẩu cho thế giới các sản phẩm từ loại cây:

A. Cây lấy dầu, cây lấy sợi.

B. Cây lấy dầu, cây lấy đường.

C. Cây lấy sợi, cây lấy đường.

D. Cây ăn quả và cây lấy nhựa.

Câu 6: Cơ cấu kinh tế các nước Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng:

A. Từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang nền kinh tế phát triển công nghiệp

B. Từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang nền kinh tế phát triển dịch vụ.

C. Từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang nền kinh tế phát triển công nghiệp, dịch vụ.

D. Từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào công nghiệp sang nền kinh tế phát triển dịch vụ.

Câu 7: Ngành nào sau đây vẫn chưa trở thành ngành sản xuất chính trong sản xuất nông nghiệp ở các nước Đông Nan Á ?

A. Ngành chăn nuôi gia súc

B. Ngành trồng cây lương thực

C. Ngành nuôi trồng thủy sản

D. Ngành đánh bắt thủy sản

Câu 8: Sản phẩm từ cây công nghiệp của các nước Đông Nam Á chủ yếu để:

A. Tiêu thụ tại chỗ.

B. Xuất khẩu để thu ngoại tệ.

C. Cung cấp cho công nghiệp chế biến thực phẩm.

D. Cung cấp cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 9: Ngành nào sau đây là ngành kinh tế truyền thống và đang phát triển mạnh ở các nước Đông Nam Á:

A. Đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản.

B. Trồng cây lương thực và cây ăn quả.

C. Chăn nuôi gia súc và gia cầm.

D. Trồng cây ăn quả và cây công nghiệp.

Câu 10: Công nghiệp của các nước Đông Nam Á đang phát triển theo hướng

A. Đầu tư ra nước ngoài nhiều

B. Tăng cường liên kết, liên doanh với nước ngoài..

C. Nhập công nghệ từ nước ngoài vào để sản xuất.

D. Không liên kết, liên doanh với nước ngoài, tự sản xuất.

Câu 11: Ý nào đây không chính xác về ngành dịch vụ của các nước Đông Nam Á:

A. Thông tin liên lạc được cải thiện và ngày càng nâng cấp.

B. Hệ thống giao thông được mở rộng vằ tăng thêm.

C. Cơ sở hạ tầng hiện đại và ngày càng phát triển.

D. Hệ thống ngân hàng,tín dụng phát triển và hiện đại.

Câu 12: Nền nông nghiệp Đông Nam Á giữ vị trí quan trọng vì:

A. Đảm bảo nguốn lương thực, thực phẩm cho người dân trong khu vực.

B. Tạo sản phẩm xuất khẩu chính cho tất cả các nước.

C. Tạo ra cảnh quan đẹp hấp dẫn khách du lịch quốc tế.

D. Cung cấp nguồn nguyên liệu chủ yếu để phát triển công nghiệp.

Câu 13: Cao su, cà phê, hồ tiêu, dừa được trồng nhiều ở Đông Nam Á yếu là:

A. Khí hậu và đất đai phù hợp.

B. Nhu cầu rất lớn của người dân trong khu vực.

C. Do nhu cầu phát triển công nghiệp chế biến.

D. Nguồn lao động dồi dào.

Câu 14: Giải pháp hàng đầu để phát triển sản xuất nông nghiệp của các nước Đông Nam Á là:

A. Phát triển công nghiệp chế biến

B. Đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp.

C. Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ.

D. Phát triển thủy lợi .

Câu 15: Đông Nam Á trở thành khu vực hấp dẫn du khách vì:

A. Cảnh quan thiên nhiên phong phú, nền văn hóa đặc sắc.

B. Ít nguy cơ động đất, núi lửa, sóng thần.

C. Khí hậu ôn hòa, mát mẻ quanh năm.

D. Dịch vụ chăm sóc khách rất phát triển.

**Bài 11: KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

**Tiết 3: Hiệp hội các nước Đông Nam Á ( ASEAN)**

Câu 1: ASEAN được thành lập vào năm:

A. 1967.

B. 1976

C. 1986.

D. 1968

Câu 2: Khi thành lập ASEAN có bao nhiêu thành viên:

A. 7

B. 6

C. 5

D. 8

Câu 3: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm:

A. 1984

B. 1995

C. 1997

D. 1999

Câu 4: Khi thành lập ASEAN bao gồm các nước:

A. Thái Lan,Xin –ga-po, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin.

B. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Lào.

C. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Việt Nam.

D. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Mi-an-ma.

Câu 5: ASEAN được thành lập ở đâu?

A. Hà Nội

B. Xin-ga-po

C. Gia-các-ta

D. Băng Cốc

Câu 6: Mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang các nước trong khu vực ASEAN

là:

A. Lúa gạo.

B. Than.

C. Xăng dầu.

D. Hàng điện tử.

Câu 7: Mặt hàng nào sau đây, Việt Nam không phải nhập từ các nước ASEAN:

A. Một số hàng điện tử, tiêu dùng.

B. Phân bón.

C. Dầu thô.

D. Thuốc trừ sâu.

Câu 8: Tên tiếng Anh đầy đủ của ASEAN là gì?

A. Association of Southeast Asian Nations

B. Association of South and East Asian Nations

C. Assembly of Southeast Asian Nations

D. Alliance of Southeast Asian Nations

Câu 9. Mục tiêu nào sau đây là mục tiêu khái quát mà các nước ASEAN cần đạt được?

A. Xây dựng ASEAN thành một khu vực hoà bình, ổn định, có nền kinh tế, văn hoá phát triển.

B. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục và tiến bộ xã hội của các nước thành viên.

C. Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định và phát triển đồng đều.

D. Giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ giữa ASEAN với các nước, khối nước hoặc các tổ chức quốc tế khác.

Câu 10: In-đô-ne-xia-a là nước xuất khẩu gạo lớn nhất Đông Nam Á nhưng vẫn nhập khẩu gạo của Việt Nam vì:

A. Dân số của In-đô-nê-xi-a quá đông.

B. Gạo của Việt Nam chất lượng cao hơn.

C. Gạo của Việt Nam giá rẻ hơn.

D. Nhu cầu chăn nuôi trong nước.

Câu 11: Vấn đề xây dựng một sự hòa hợp dân tộc bền vững ổn định là mục tiêu hàng đầu của ASEAN, đồng thời là một thách thức lớn đối với tất cả các quốc gia trong khu vực chủ yếu vì:

A. Hầu hết các quốc gia trong khu đều là các nước đa ngôn ngữ và đa dân tộc.

B. Giữa các nước trong khu vực còn nhiều tranh chấp phức tạp các vấn đề về biên giới, về đảo, về vùng đặc quyền kinh tế biển.

C. Có sự cạnh tranh gay gắt về kinh tế giữa các nước trong khu vực.

D. Hầu hết các quốc gia trong khu vực đều là các nước đa tôn giáo và đa văn hóa.

Câu 12: Tạo dựng được một môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực có ý nghĩa hết sức quan trọng chủ yếu vì:

A. Là cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia và toàn khu vực.

B. Là tiền đề quan trọng để thu hút đầu tư từ các nước và các khu vực khác trên thế giới.

C. Là điều kiện tối cần thiết để thu hút khách du lịch trên thế giới.

D. Là điều kiện hấp dẫn để thu hút khách du lịch trong khu vực.

Câu 13: Là thành viên của ASEAN, Việt Nam có cơ hội:

A. Hợp tác về khoa học công nghệ, trình độ, văn hóa và kinh tế với các nước trong khu vực

B. Hợp tác về văn hóa, giáo dục, y tế và chính trị với các nước trong khu vực

C. Hợp tác với các nước trong khu vực về kinh tế,văn hóa, giáo dục và khoa học công nghệ

D. Hợp tác với các nước trong khu vực về trật tự, chính trị , y tế và giáo dục

Câu 14: Những thách thức mà Việt Nam khi gia nhập ASEAN:

A. Sự chênh lệch về trình độ, khác biệt về chính trị và bất đồng về ngôn ngữ

B. Mâu thuẫn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và trật tự an toàn xã hội

C. Sự khác biệt về chính trị, khác biệt về kinh tế và bất đồng về văn hóa

D. Sự bất đồng về ngôn ngữ, khác biệt về giáo dục và chênh lệch về kinh tế

**II. Câu hỏi lý thuyết :**

- Vẽ biểu đồ cột, tròn.

- Đông Nam Á tiết 1